

## 30 BÀI TẬP VỀ BIỂU ĐỒ - LUYỆN THI ĐẠI HỌC

**Bài 1:** Cho bảng số liệu sau :

**DÂN SỐ NƯỚC TA PHÂN THEO NHÓM TUỔI NĂM 1979, 1989, 2005**

Năm	Tổng số ( nghìn người)	Nhóm tuổi ( %)		
		0 – 14	15- 59	Từ 60 trở lên
1979	52.472	41,7	51,3	7,0
1989	64.405	38,7	54,1	7,2
2005	84.156	27,1	63,9	9,0

Nhận xét và giải thích sự thay đổi cơ cấu dân số qua các năm kể trên ?

**Bài 2 :** (2 điểm )Cho bảng số liệu sau :

Một số chỉ tiêu sản xuất công nghiệp của Hà Nội và TP Hồ Chí Minh- Năm 2005

Các chỉ tiêu	Cả nước	Hà Nội	TP Hồ Chí Minh
Sản lượng công nghiệp (tỉ đồng)	416562,8	34559,9	98403
Tổng số lao động trong các doanh nghiệp(nghìn người)	6240,6	839,2	1496,8
Số doanh nghiệp	112952	18214	31292

- Tính tỉ lệ % các chỉ tiêu sản xuất công nghiệp của Hà Nội và TP Hồ Chí Minh
- So sánh 2 trung tâm công nghiệp Hà Nội và TP Hồ Chí Minh

**Bài 3:** : (3 điểm) Cho bảng số liệu sau :

Cơ cấu sản lượng lúa phân theo các vùng ở nước ta Năm 2005 (đơn vị : %)

Các vùng	Cơ cấu sản lượng lúa
Cả nước	100
Đồng bằng sông Hồng	17,3
Trung du và miền núi Bắc Bộ	8,6
Bắc Trung Bộ	8,9
Duyên hải Nam Trung bộ	4,9
Tây Nguyên	2,0
Đông Nam Bộ	4,5
Đồng Bằng Sông Cửu Long	53,8

- Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu sản lượng lúa phân theo các vùng nước ta- năm 2005
- Nhận xét và giải thích cơ cấu sản lượng lúa ở các vùng nước ta

**Bài 4:** (3 điểm) Cho bảng số liệu về mật độ dân số các vùng trong năm 2006

( đơn vị: người/ km<sup>2</sup> )

TRUNG TÂM GIA SƯ LUYỆN THI ALPHA THÀNH PHỐ VINH

Vùng	ĐBSH	ĐB	TB	BTB	DH NTB	TN	ĐNB	ĐB SCL
Mật độ Dân số	1225	148	69	207	200	89	551	429

- a. Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện mật độ dân số của các vùng trong năm 2006.  
b. Nhận xét

**Bài 5: ( 3 điểm)** Cho bảng số liệu sau:

**TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH TRỒNG LÚA Ở NƯỚC TA, Thời kì 1980 -2005.**

Tiêu chí	1980	1990	2000	2002	2005
Diện tích( 1000 ha)	5600	6043	7654	7504	7329
Năng suất lúa cả năm ( tạ/ ha)	20,8	31,8	42,5	45,9	49
Sản lượng lúa cả năm( triệu ha)	11,6	19,2	32,6	34,4	35,8

a/ Tính chỉ số tăng trưởng diện tích, năng suất và sản lượng lúa qua các năm ( lấy năm 1980 = 100%).

b/ Từ số liệu đã tính, hãy vẽ trên cùng một hệ toạ độ các đường biểu diễn diện tích, năng suất và sản lượng lúa từ năm 1980 – 2005.

c/ Qua bảng số liệu, hãy nêu tình hình phát triển của ngành trồng lúa và cho biết nguyên nhân dẫn đến sự phát triển mạnh mẽ của ngành sản xuất lúa trong những năm gần đây.

**Bài 6:**

Cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế ở nước ta, giai đoạn 1990-2005. (Đơn vị: %)

Năm	1990	1991	1995	1997	1998	2000	2005
Nông - Lâm - Ngư	38,7	40,5	27,2	25,8	25,8	23,0	21,0
Công nghiệp - Xây dựng	22,7	23,8	28,8	32,1	32,5	38,5	41,0
Dịch vụ	38,6	35,7	44,0	42,1	41,7	38,5	38,0

a) Vẽ biểu đồ miền thể hiện sự thay đổi cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế ở nước ta, giai đoạn 1990- 2005. (1,5 điểm)

b) Nhận xét và giải thích sự thay đổi đó. (1,5 điểm)

**Bài 7:**

Cho bảng số liệu dưới đây về diện tích và sản lượng cà phê nhân nước ta thời kì 1990- 2005.

Năm	1990	1995	2001	2005
Diện tích trồng cà phê (nghìn ha)	119	186	565	497
Sản lượng cà phê nhân (nghìn tấn)	92	218	840	752

TRUNG TÂM GIA SƯ LUYỆN THI ALPHA THÀNH PHỐ VINH

- a. Vẽ biểu đồ kết hợp tốt nhất thể hiện sự phát triển diện tích và sản lượng cà phê nhân của nước ta thời kì 1990- 2005.  
 b. Qua biểu đồ đã vẽ hãy nhận xét, giải thích về sự biến động diện tích và sản lượng cà phê nhân của nước ta thời kì trên. (1.5đ)

**Bài 8:**

Cho bảng số liệu dưới đây về giá trị sản xuất công nghiệp theo thành phần kinh tế ở Đông Nam Bộ thời kì 1995- 2005. Đơn vị: tỉ đồng

Năm/ thành phần kinh tế	Tổng số	Nhà nước	Ngoài nhà nước	Có vốn đầu tư nước ngoài
1995	50.508	19.607	9.942	20.959
2005	199.622	48.058	46.738	104.826

- a. Tính ra cơ cấu % theo các thành phần kinh tế (0.5đ)  
 b. Nhận xét, giải thích về sự chuyển dịch cơ cấu trên ở Đông Nam Bộ (1.5)

**Bài 9:**

Cho bảng số liệu về cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp (Đơn vị %)

Năm	1990	2005
Trồng trọt	79.3	73.5
Chăn nuôi	17.9	24.7
Dịch vụ nông nghiệp	2.8	1.8

Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp của nước ta năm 1990 và 2005 . Nhận xét

**Bài 10:** Dựa vào bảng số liệu dưới đây:

SỐ DÂN CỦA VIỆT NAM, GIAI ĐOẠN 1901- 2006 (Đơn vị: triệu người)

Năm	Số dân	Năm	Số dân
1901	13,0	1970	41,0
1921	15,5	1979	52,7
1936	18,8	1989	64,4
1956	27,5	1999	76,3
1960	30,2	2006	84,2

Nhận xét về tình hình gia tăng dân số ở nước ta.

**Bài 11:** Cho bảng số liệu sau:

Địa điểm	Lượng mưa (mm)	Lượng bốc hơi (mm)	Cân bằng ẩm (mm)
Hà Nội	1676	989	+687
Huế	2868	1000	+1868
TP. Hồ Chí Minh	1931	1686	+245

- a) Vẽ biểu đồ thể hiện lượng mưa, lượng bốc hơi và cân bằng ẩm của Hà Nội, Huế, TP. Hồ Chí Minh.

TRUNG TÂM GIA SƯ LUYỆN THI ALPHA THÀNH PHỐ VINH

b) Qua biểu đồ, so sánh và giải thích sự khác nhau về lượng mưa, lượng bốc hơi và cân bằng ẩm của ba địa điểm trên.

**Bài 12 a .Cho bảng số liệu sau đây :**

**CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT CỦA TRUNG DU MIỀN NÚI BẮC BỘ VÀ TÂY NGUYÊN , NĂM 2006**

(Đơn vị nghìn ha )

	Trung du miền núi Bắc Bộ	Tây Nguyên
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>10155,8</b>	<b>5466,0</b>
<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>1478,3</b>	<b>1597,1</b>
<b>Đất lâm nghiệp</b>	<b>5324,6</b>	<b>3067,8</b>
<b>Đất chuyên dùng</b>	<b>245,0</b>	<b>124,5</b>
<b>Đất thổ cư</b>	<b>112,6</b>	<b>41,6</b>
<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>2995,3</b>	<b>635,0</b>

**Anh , (Chị) hãy :**

- 1.Tính cơ cấu sử dụng đất của trung du miền núi Bắc Bộ và Tây Nguyên .
  - 2.Vẽ biểu đồ cơ cấu sử dụng đất của trung du miền núi Bắc Bộ và Tây Nguyên .
- Dựa vào biểu đồ đã vẽ ; so sánh và giải thích đặc điểm cơ cấu sử dụng đất ở hai vùng trên .

**Bài 13**

Cho bảng số liệu sau: **Hiện trạng sử dụng đất của nước ta**

Loại đất sử dụng	Năm 1993 (%)	Năm 2000 (nghìn ha)
Tổng số	100,0	33121,2
Đất nông nghiệp	22,2	9412,2
Đất lâm nghiệp	30,3	14437,3
Đất chuyên dùng và thổ cư	5,6	2003,7
Đất chư sử dụng	42,2	7268,0

- 1.Tính cơ cấu các loại đất năm 2000 của nước ta
  - 2.Vẽ biểu đồ thể hiện sự thay đổi cơ cấu vốn đất của nước ta
- Nhận xét sự biến động các loại đất nói trên

**Bài 14:** Cho bảng số liệu sau:

**GIÁ TRỊ HÀNG XUẤT KHẨU VIỆT NAM PHÂN THEO NHÓM HÀNG  
NĂM 2000 VÀ 2005** Đơn vị: triệu USD

Hàng xuất khẩu	2000	2005
Công nghiệp nặng và khoáng sản	5.382,1	14.000,0
Công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công	4.903,1	16.202,0

TRUNG TÂM GIA SƯ LUYỆN THI ALPHA THÀNH PHỐ VINH

ngiệp		
Nông sản-lâm sản	2.719,0	6.266,1
Thủy sản	1.478,5	3.358,1
<b>Tổng số</b>	<b>14.482,7</b>	<b>39.826,2</b>

a. Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện cơ cấu giá trị xuất khẩu phân theo nhóm hàng của nước ta năm 2000 và 2005.

b. Nhận xét và giải thích sự thay đổi về quy mô và cơ cấu hàng xuất khẩu trong thời gian trên

**Bài 15:** Cho bảng số liệu: Cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn (đơn vị %)

Năm	Thành thị	Nông thôn
1990	19,5	80,5
1995	20,8	79,2
2003	25,8	74,2
2005	26,9	73,1

Hãy so sánh và nhận xét về sự thay đổi tỷ trọng dân số thành thị, nông thôn giai đoạn 1990 – 2005 ở nước ta.

**Bài 16** Cho bảng số liệu sau:

Giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế của vùng Đông Nam Bộ (giá so sánh 1994)

Đơn vị : tỉ đồng

Thành phần kinh tế	Năm	
	1995	2005
Khu vực nhà nước	19607	48058
Khu vực ngoài nhà nước	9942	46738
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	20959	104826

1. Vẽ biểu đồ thể hiện sự thay đổi giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế của Đông Nam Bộ qua các năm 1995 – 2005.

2. Nêu nhận xét.

**Bài 17:** Sự biến động diện tích rừng qua một số năm

Năm	Tổng diện tích có rừng (triệu ha)	Diện tích rừng tự nhiên (triệu ha)	Diện tích rừng trồng (triệu ha)	Độ che phủ (%)
1943	14,3	14,3	0	43,0
1983	7,2	6,8	0,4	22,0
2005	12,7	10,2	2,5	38,0

Hãy nhận xét về biến động diện tích rừng qua các giai đoạn 1943 – 1983 và 1983 – 2005. Vì sao có sự biến động đó?

**Bài 18:**

Cho bảng số liệu sau:

TRUNG TÂM GIA SƯ LUYỆN THI ALPHA THÀNH PHỐ VINH

CƠ CẤU GIÁ TRỊ SẢN XUẤT NGÀNH TRỒNG TRỌT (Đơn vị %)

Loại cây	Năm 1990	Năm 2005
Cây lương thực	67,1	59,2
Cây rau đậu	7,0	8,3
Cây công nghiệp	13,5	23,7
Cây ăn quả	10,1	7,3
Cây khác	2,3	1,5

a, Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt nước ta năm 1990 và năm 2005

b, Nhận xét về sự thay đổi giá trị sản xuất ngành trồng trọt qua các năm 1990 và 2005

**Bài 19** Cho bảng số liệu về Tổng diện tích rừng Việt Nam :

Năm	1943	1983	2005
Tổng diện tích rừng ( Triệu ha )	14,3	7,2	12,7

a/ Biết diện tích phần đất liền và hải đảo của nước ta là 33,1 triệu ha, hãy tính độ che phủ rừng nước ta ( % ) trong các năm nói trên ?

b/ Nêu hậu quả của việc suy giảm tài nguyên rừng và biện pháp bảo vệ rừng nước ta?

**Bài 20** Cho bảng số liệu về giá trị xuất nhập khẩu của nước ta qua các năm ( Tỉ USD ) :

Năm	1990	1992	1996	1998	2000	2005
Giá trị xuất khẩu	2,4	2,6	7,3	9,4	14,7	32,4
Giá trị nhập khẩu	2,8	2,5	11,1	11,5	15,6	36,8

a/ Vẽ biểu đồ biểu thị tốc độ tăng trưởng của giá trị xuất khẩu và giá trị nhập khẩu của nước ta qua các năm ( Lấy 1990 = 100% )

b/ Nhận xét tốc độ tăng trưởng của giá trị xuất khẩu và giá trị nhập khẩu của nước ta qua các năm ?

**Bài 21** Cho bảng số liệu:

**Giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế (giá thực tế)**

(Đơn vị: tỉ đồng)

Năm	1996	2005
<b>Thành phần kinh tế</b>		
Nhà nước	74161	249085
Ngoài nhà nước( tập thể, tư nhân, cá thể)	35862	308854
Khu vực có vốn đầu tư của nước ngoài	39589	433110

Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế của nước ta năm 1996-2006. Nêu nhận xét.

**Bài 22:** Cho bảng số liệu sau:

CƠ CẤU GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU HÀNG HOÁ PHÂN THEO NHÓM HÀNG CỦA NƯỚC TA  
(Đơn vị: %)

Năm	1995	1999	2000	2001	2005
<b>Nhóm hàng</b>					
Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản	25.3	31.3	37.2	34.9	36.1
Hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp	28.5	36.8	33.8	35.7	41.0
Hàng nông-lâm-thủy sản	46.2	31.9	29.0	29.4	22.9

Hãy nhận xét cơ cấu giá trị xuất khẩu hàng hoá phân theo nhóm hàng của nước ta giai đoạn 1995-2005

**Bài 23:** Dựa vào bảng số liệu sau

SẢN LƯỢNG THAN, DẦU MỎ VÀ ĐIỆN Ở NƯỚC TA  
GIAI ĐOẠN 1990-2005

Năm	1990	1995	2000	2005
Than(Triệu tấn)	4,6	8,4	11,6	34,1
Dầu mỏ(Triệu tấn)	2,7	7,6	16,3	18,5
Điện(Ti Kwh)	8,8	14,7	26,7	52,1

a/ Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện các sản phẩm của ngành công nghiệp năng lượng nước ta thời kỳ 1990-2005(2đ).

b/ Giải thích nguyên nhân của sự tăng trưởng các sản phẩm trên(1đ).

**Bài 24:** Cho bảng số liệu : S gieo trồng cây CN ( đơn vị nghìn ha)

Năm	1975	1980	1985	1990	1995	2000	2005
CCN hàng năm	210.1	371.7	600.7	542.0	716.7	778.1	861.5
CCN lâu năm	172.8	256.0	470.3	657.3	902.3	1451.3	1633.6

a. Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện ?

b. Nhận xét và giải thích sự biến động diện tích gieo trồng và sự thay đổi cơ cấu cây trồng của cây CN từ 1975--- 2005

**Bài 25:** Cho bảng số liệu :

Tình hình sản xuất sợi và vải lụa từ giai đoạn 1990—2005

Năm	1990	1995	2000	2005
-----	------	------	------	------

TRUNG TÂM GIA SƯ LUYỆN THI ALPHA THÀNH PHỐ VINH

Sợi( nghìn tấn)	58	59	130	259
Vải lụa (triệu m)	318	263	356	561

- Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện
- Hãy nhận xét về tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp dệt qua biểu đồ trên

**Bài 26:** Cho bảng số liệu về sản lượng một số ngành CN da, giày

Năm	1995	2000	2003	2005
Giày, dép da (triệu đôi)	46.4	108	133	218
Giày vải (triệu đôi)	22	32	35	34
Da mềm( triệu bìa)	1.4	4.8	4.7	21.4

- Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện một số sản phẩm của ngành CN da, giày ở nước ta
- Dựa vào biểu đồ hãy nhận xét và giải thích tình hình phát triển ngành CN đó

**Bài 27:** Dựa vào bảng số liệu dưới đây:

Một số sản phẩm của công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng:

Năm	1995	2000	2001	2005
Sản phẩm				
Vải lụa ( triệu mét )	263.0	356.4	410.1	560.8
Quần áo may sẵn (triệu cái)	171.9	337.0	375.6	1011.1
Giày, dép da ( triệu đôi)	46.4	107.9	102.3	218.0
Giấy, bìa ( nghìn tấn)	216.0	408.4	445.3	901.2
Trang in (tỉ trang)	96.7	184.7	206.8	450.3

- Hãy vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tốc độ gia tăng một số sản phẩm công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng ở nước ta
- Hãy nhận xét và giải thích vì sao có sự tăng trưởng đó

**Bài 28:** Dựa vào bảng sau : Giá trị sản xuất CN phân theo thành phần kinh tế ( đơn vị tỉ đồng)

Năm	1996	2005
TP kinh tế		
Nhà nước	74161	249085
Ngoài nhà nước	35682	308854
KV có vốn đầu tư nước ngoài	39589	433110

- Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện giá trị sản xuất CN phân theo thành phần kinh tế trong 2 năm trên
- Nhận xét giải thích sự thay đổi giá trị sản xuất CN trong 2 năm đó

**Bài 29:** Cho bảng số liệu sau

Cơ cấu giá trị sản xuất CN phân theo nhóm ngành (Đơn vị :%)

Năm	1996	1999	2000	2004	2005
Nhóm ngành					



TRUNG TÂM GIA SƯ LUYỆN THI ALPHA THÀNH PHỐ VINH

Toàn ngành CN	100.0	100.0	100.0	100.0	100.0
CN khai thác	13.9	14.7	15.8	12.8	11.2
CN chế biến	79.9	79.6	78.7	81.3	83.2
Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước	6.2	5.7	5.5	5.9	5.6

- Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất CN phân theo nhóm ngành của nước ta
- Nhận xét và giải thích sự chuyển dịch này.

**Bài 30:** Cho bảng số liệu sau: Số lượt khách và số doanh thu từ du lịch của nước ta

Năm	1991	1995	1997	1998	2000	2005
Khách nội địa( triệu lượt khách)	1.5	5.5	8.5	9.6	11.2	16.0
Khách quốc tế ( triệu lượt khách)	0.3	1.4	1.7	1.5	2.1	3.5
Doanh thu từ du lịch (nghìn tỉ đồng)	0.8	8.0	10.0	14.0	17.0	30.3

- Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện số lượt khách và số doanh thu của ngành du lịch nước ta thời gian trên
- Nhận xét và giải thích sự thay đổi đó.